TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 166/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 7 – 2017
Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Trọng Tâm

2. Ông Nguyễn Hoàng Kha

- Thư ký phiên toà: Ông Huỳnh Văn Đoan, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2017/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 3 năm 2017 về việc "xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 380/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị L (Trương Bích L), sinh năm: 1976, (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Hòa T, xã Hòa T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Ngô Hữu L, sinh năm: 1976, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân A, xã Hòa T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 03/3/2017, chị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Ngô Hữu L xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Hòa T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, chị cho rằng vợ chồng vẫn hạnh phúc, nhưng khoảng 02 năm trở lại đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L rượu chè, không quan tâm, không có trách nhiệm gì đối với mẹ con chị. Từ đó vợ, chồng luôn bất hòa, gây gổ và anh L đã bỏ nhà đi thường xuyên. Do đó, chị xét thấy tình cảm vợ

chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chị L xác định chị và anh L có 02 người con chung tên Ngô Hữu L, sinh ngày 15/01/1995 và Ngô Diễm M, sinh ngày 06/01/2001, hiện cháu L và cháu M đang được chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị L xác định vợ, chồng chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị L khai vợ, chồng chị không thiếu nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng chị.

Đối với anh Ngô Hữu L, mặc dù đã được Tòa án đã triệu tập nhiều lần đến phiên tòa để tham gia hòa giải và xét xử vụ án thông qua thủ tục niêm yết nhưng anh L vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Mặc dù đã được Tòa án đã triệu tập nhiều lần đến phiên tòa để tham gia hòa giải và xét xử vụ án thông qua thủ tục niêm yết nhưng anh L vẫn không có mặt tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh L theo luật định.

[2] Về hôn nhân: Chị Trương Thị L và anh Ngô Hữu L xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 1995 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống anh, chị có nhiều điểm bất đồng, không quan tâm, chăm sóc, cảm thông và chia sẻ lẫn nhau. Xét mâu thuẫn thực tế là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, anh, chị có cách sống, cách nghĩ và hành động khác nhau, chỉ vì anh L không lo làm ăn, thường xuyên rượu chè, bỏ bê vợ, con, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, dẫn đến việc gây bất hòa trong cuộc sống, làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng nên anh, chị mỗi người sống một nơi, có cuộc sống và mối quan hệ riêng tư, không quan tâm, giúp đở lẫn nhau. Thực tế anh, chị cũng không còn chung sống vợ chồng khoảng 02 năm nay. Thời gian này không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn và cũng không liên lạc hay quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau. Bên cạnh đó, chị L cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét chấp nhận cho chị ly hôn thì chị cũng không đoàn tụ, chung sống với anh L. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh L là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị L xác định chị và anh L có 02 người con chung tên Ngô Hữu L, sinh ngày 15/01/1995 và Ngô Diễm M, sinh ngày 06/01/2001, hiện cháu L và cháu M đang được chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu L hiện đã thành niên, có

công việc tự nuôi sống bản thân nên không đặt ra nghĩa vụ nuôi con và cấp dưỡng. Đối với cháu M hiện do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đồng thời nguyện vọng của cháu M muốn được chung sống với chị L nên căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu M cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị L xác định vợ, chồng chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết;

[5] Về nợ chung: Chị L khai vợ, chồng chị không thiếu nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng chị nên không đặt ra xem xét.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị L (Trương Bích L) về việc xin ly hôn anh Ngô Hữu L.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Diễm M, sinh ngày 06/01/2001 cho chị Trương Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh Ngô Hữu L được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị L xác định không có nên không đặt ra xem xét;

4. Về nợ chung: Chị L khai không thiếu nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Trương Thị L phải chịu 300.000đ. Ngày 07 tháng 3 năm 2017, chị L đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 2733 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Trương Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ngô Hữu L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

HỨA MINH HẢI

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Thành, Tp.Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.